

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ
SAO BẮC ĐẦU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2024/CBTT-SBD

TP HCM, ngày 17 tháng 04 năm 2024

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT- BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (MCK: SBD) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 4/ năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. BCTC quý 4/năm 2023 theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

BCTC riêng (Tổ chức không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (Tổ chức có công ty con);

BCTC tổng hợp (Tổ chức có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

2. Các văn bản giải trình phải công bố thông tin đồng thời cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT- BTC gồm:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Có

Không

Văn bản giải trình Lợi nhuận sau thuế thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

Có

Không

Văn bản giải trình Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Công ty CP Công Nghệ Sao Bắc Đầu
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Tài liệu đính kèm:

- BCTC HN Quý 4 năm 2023

Tổng Giám Đốc
Nguyễn Hồng Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Trụ sở chính

Lô U.14b - 16a, Đường số 22, KCX Tân Thuận,
P. Tân Thuận Đông, Q.7, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (+84)(28) 3770 0968 - Fax: (+84)(28) 3770 0969

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 3, CTIAB, khu đô thị VOV Mễ Trì,
P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội
Tel: (+84)(24) 3772 2989 - Fax: (+84)(24) 3772 3000

Chi nhánh Đà Nẵng

Phòng E, Tầng 11, Số 02 Quang Trung,
P. Hải Châu, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: (+84)(236) 381 2175 - Fax: (+84)(236) 381 2175

www.saobacdau.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2023

Và năm kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/03/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2024	Tại ngày 1/04/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		516,101,397,673	670,681,679,567
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		31,741,933,868	6,855,067,298
1. Tiền	111	4.1	7,118,933,868	6,855,067,298
2. Các khoản tương đương tiền	112		24,623,000,000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		301,362,192,837	466,868,889,653
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	222,968,871,952	416,665,048,587
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		19,564,726,715	5,301,974,050
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	906,518,060
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	85,326,602,835	63,710,029,714
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(26,498,008,665)	(19,714,680,758)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	182,540,669,091	196,476,064,514
1. Hàng tồn kho	141		182,548,106,889	196,483,502,312
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7,437,798)	(7,437,798)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		456,601,877	481,658,102
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		446,642,535	149,568,682
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5,933,914	282,584,930
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	4,025,428	49,504,490
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		149,172,065,412	118,284,405,807
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		26,422,174,295	24,027,645,712
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.4	19,155,005,465	19,155,005,465
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	7,267,168,830	4,872,640,247
II. Tài sản cố định	220		102,585,607,525	67,634,323,121
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	65,933,592,827	55,440,237,622
Nguyên giá	222		139,243,483,656	157,450,490,250
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73,309,890,829)	(102,010,252,628)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.9	28,983,757,753	9,568,696,476
Nguyên giá	225		55,227,601,364	27,092,114,604
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(26,243,843,611)	(17,523,418,128)
3. Tài sản cố định vô hình	227		7,668,256,945	2,625,389,023
Nguyên giá	228		12,303,338,783	5,553,223,195
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,635,081,838)	(2,927,834,172)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		5,006,063,413	6,277,155,305
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5,006,063,413	6,277,155,305
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	7,731,393,955	10,570,029,005
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		10,466,393,955	10,570,029,005
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1,200,000,000	1,200,000,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3,935,000,000)	(1,200,000,000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		7,426,826,224	9,775,252,664
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		7,412,587,682	9,153,019,346
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		14,238,542	622,233,318
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		665,273,463,085	788,966,085,374

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/03/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2024	Tại ngày 1/04/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		517,668,488,485	661,808,243,913
I. Nợ ngắn hạn	310		488,981,309,642	649,060,896,683
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	131,058,494,180	205,193,857,160
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	28,537,776,381	57,600,899,543
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	4,769,908,409	7,793,005,738
4. Phải trả người lao động	314	4.13	8,014,421,946	7,448,618,306
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		19,875,129,522	10,081,601,205
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		10,495,396,994	9,076,652,639
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	17,243,573,982	24,768,162,162
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.15	268,986,608,228	327,098,099,930
II. Nợ dài hạn	330		28,687,178,843	12,747,347,230
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.15	28,117,368,182	9,471,598,422
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	1,771,967,942
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		569,810,661	1,503,780,866
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		147,604,974,600	127,157,841,461
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16.1	147,604,974,600	127,157,841,461
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.16.2	135,146,800,000	121,783,800,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		135,146,800,000	121,783,800,000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11,370,980,589	4,606,794,995
LNST chưa phân phối lũy kể đến CK trước	421a		4,606,794,995	842,332,662
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6,764,185,594	3,764,462,333
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1,087,194,011	767,246,466
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		665,273,463,085	788,966,085,374



Nguyễn Hồng Minh
 Tổng giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2024

Ngô Tiến Mạnh
 Kế toán trưởng

Đậu Trọng Hiệp
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	166,120,946,005	268,405,025,813	800,568,012,290	871,478,125,089
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		166,120,946,005	268,405,025,813	800,568,012,290	871,478,125,089
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	128,511,187,231	213,988,540,121	646,259,037,125	718,692,715,620
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37,609,758,774	54,416,485,692	154,308,975,165	152,785,409,469
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		142,179,910	4,501,697,758	5,045,924,512	6,226,136,896
7. Chi phí tài chính	22	5.3	7,541,376,597	22,056,214,825	32,940,924,469	35,372,608,839
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		6,300,104,896	10,433,244,178	35,101,001,357	30,513,801,895
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		-	-	-	1,721,516,814
9. Chi phí bán hàng	25	5.4	13,984,981,596	9,576,931,553	57,010,638,189	39,481,463,693
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	15,754,264,201	41,483,414,804	56,662,272,193	87,749,212,141
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		471,316,290	(14,198,377,732)	12,741,064,826	(1,870,221,494)
12. Thu nhập khác	31	5.6	5,604,641,119	8,421,095,782	29,863,130,088	16,437,992,984
13. Chi phí khác	32		5,191,428,376	421,238,754	27,311,704,146	855,155,544
14. Lợi nhuận khác	40		413,212,743	7,999,857,028	2,551,425,942	15,582,837,440
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		884,529,033	(6,198,520,704)	15,292,490,768	13,712,615,946
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	53,983,500	1,961,912,469	4,203,033,757	2,265,778,474
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		28,477,090	(40,085,821)	28,477,090	1,180,841,525
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		802,068,443	(8,120,347,352)	11,060,979,921	10,265,995,947
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		681,617,223	-	10,741,032,376	12,216,192,992
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		120,451,220	-	319,947,545	(1,950,197,045)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.6	59	(667)	-	1,055



Nguyễn Hồng Minh
 Tổng giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2024

Ngô Tiến Mạnh
 Kế toán trưởng

Đậu Trọng Hiệp
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15,292,490,767	13,712,615,946
2. Điều chỉnh cho các khoản:			-	-
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	29,348,109,020	34,255,553,421
Các khoản dự phòng	03		2,947,649,967	20,719,060,064
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(2,183,576,013)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12,485,917,002)	(2,063,055,201)
Chi phí lãi vay	06	5.3	35,101,001,357	30,513,801,895
Các khoản điều chỉnh khác	07		(31,407,900,427)	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		38,795,433,682	94,954,400,112
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		167,436,719,650	9,081,432,647
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13,935,395,423	(58,750,205,745)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(118,863,500,940)	81,064,453,383
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1,443,357,811	3,142,571,275
Tiền lãi vay đã trả	14		(35,101,001,357)	(30,136,760,115)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.12	(6,264,715,855)	(24,290,165)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		61,381,688,414	99,331,601,392
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5,479,023,696)	(9,006,982,239)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		20,672,625,130	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7,775,000,000	953,204,100
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3,948,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1,270,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,374,151,987	290,155,986
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		26,342,753,421	(10,441,622,153)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		13,363,000,000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	580,902,052,209	612,340,063,049
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(640,504,642,386)	(690,405,220,923)
4. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(13,296,190,661)	(11,796,593,358)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3,301,794,427)	(124,054,325)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(62,837,575,265)	(89,985,805,557)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		24,886,866,570	(1,095,826,318)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		6,855,067,298	7,902,645,804
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	48,247,812
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	31,741,933,868	6,855,067,298



Nguyễn Hồng Minh
Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2024

Ngô Tiên Mạnh
Kế toán trưởng

Đậu Trọng Hiệp
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện – Điện tử – Tin học Sao Bắc Đầu. Ngày 30 tháng 08 năm 2007, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 24 vào ngày 10 tháng 05 năm 2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 24 vào ngày 10 tháng 05 năm 2023 là 135.146.800.000 VND.

Ngày 11 tháng 12 năm 2007, Công ty đã đăng ký là Công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tại ngày 31 tháng 10 năm 2016, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chứng nhận Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 131/2016/GCNCP-VSD vào ngày 31 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu: Tầng 3, CT1AB, Khu đô thị VOV Mễ Trì - Phường Mễ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội, Việt Nam;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu tại Thành phố Đà Nẵng: Số 02 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam;
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu: 27/14B Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2024 là 236 (01/04/2023 là: 242).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh tích hợp hệ thống công nghệ thông tin.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty cổ phần công nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty cổ phần công nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc của Công ty cổ phần công nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 33/2022/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 10 năm 2022, Công ty đã thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của công ty con – Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đẩu từ 10 tỷ VND lên 36 tỷ VND. Theo đó, số vốn góp của Công ty tăng từ 6 tỷ VND lên 32 tỷ VND, tương đương 3.200.000 cổ phần, chiếm 88,89% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đẩu. Vào ngày 17 tháng 10 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn.

Vào ngày 20 tháng 03 năm 2023, Công ty đã mua lại 99.800 cổ phần của các cổ đông khác tại công ty con – Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đẩu, tăng số vốn góp của Công ty từ 9 tỷ VND lên 9,998 tỷ VND, tương đương 999.800 cổ phần, chiếm 99,98% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đẩu.

Từ ngày 10 tháng 01 năm 2023 đến ngày 22 tháng 03 năm 2023, Công ty đã có nhiều đợt mua lại cổ phần với tổng cộng là 399.800 cổ phần của các cổ đông khác tại công ty con – Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu Miền Nam, tăng số vốn góp của Công ty từ 6 tỷ VND lên 9,998 tỷ VND, tương đương 999.800 cổ phần, chiếm 99,98% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu Miền Nam.

1.6. Các công ty con trực tiếp được hợp nhất

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đẩu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	88,89%	88,89%
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu Miền Nam	Phòng 26, nhà 8, Đường số 3, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,98%	99,98%
3.	Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đẩu	Phòng 1, Nhà 8, Đường số 13, CVPM Quang Trung, P. Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,98%	99,98%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.7. Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Công nghệ QI	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	33,43%	33,43%

1.8. Các công ty liên kết ngừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	585/6 Sư Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	22,27%	22,27%
2.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	Phòng 701 Tầng 7, 45 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	27,03%	27,03%

Nguyên nhân ngừng hợp nhất quyền lợi là do Công ty chưa thu thập được thông tin tài chính và báo cáo tài chính của các công ty liên kết nêu trên cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty cổ phần công nghệ Sao Bắc Đầu và các công ty con áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty cổ phần công nghệ Sao Bắc Đầu và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc ngày 31 tháng 03 năm tiếp theo.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Công ty cổ phần công nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Công ty cổ phần công nghệ Sao Bắc Đẩu thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ trong công ty con không đưa đến việc mất kiểm soát của Công ty được hạch toán là giao dịch về vốn. Giá trị ghi sổ của Công ty và lợi ích của cổ đông không kiểm soát được điều chỉnh để phản ánh sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu tương ứng trong công ty con đó. Chênh lệch do điều chỉnh lợi ích của cổ đông không kiểm soát và giá trị hợp lý của khoản thanh toán được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng tại ngày báo cáo.

3.4. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Công ty cổ phần công nghệ Sao Bắc Đẩu trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 15 – 40 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 03 – 08 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 năm |

3.8. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê. Thời gian khấu hao ước tính cho máy móc thiết bị là từ 2 năm đến 3 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.9. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Công ty cổ phần công nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.12. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.15. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng như các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí triển khai thực hiện hợp đồng, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng),...

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

- Thuế suất 10% đối với hoạt động được hưởng ưu đãi;
- Thuế suất 20% đối với hoạt động không được hưởng ưu đãi.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.16. Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.16. Thuế (Tiếp theo)

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 60/ĐK-DNKHCN vào ngày 31/07/2018 từ Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh. Theo đó, công ty mẹ được công nhận danh mục 16 sản phẩm hàng hóa hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ. Căn cứ theo Thông tư số 03/2021/TT-BTC ngày 11/01/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về doanh nghiệp Khoa học và công nghệ, công ty mẹ được ưu đãi như sau:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4234430517 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 07 năm 2017, công ty con – Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu Miền Nam thực hiện dự án “Trung tâm sản xuất phần mềm và tích hợp hệ thống” tại Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh. Và theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, công ty con này có thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, công ty con này được hưởng ưu đãi:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (kể từ năm tài chính 2017) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (kể từ năm tài chính 2021);
- Được hưởng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0488758402 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 08 năm 2019, công ty con – Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đẩu thực hiện dự án “Trung tâm sản xuất phần mềm và tích hợp hệ thống” tại Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh. Và theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, công ty con này có thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, công ty con này được hưởng ưu đãi:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (kể từ năm tài chính 2019) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (kể từ năm tài chính 2023);
- Được hưởng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu thực hiện dự án đầu tư.

Riêng giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2019 đến 31 tháng 03 năm 2019 (năm tài chính chuyển đổi niên độ), Công ty lựa chọn nộp thuế theo mức thuế suất không được hưởng ưu đãi là 20% của năm chuyển đổi kỳ tính thuế và tiếp tục hưởng ưu đãi thuế TNDN sang các năm kế tiếp theo quy định của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.16. Thuế (Tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cổ phần công nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Phần mềm tin học: không chịu thuế;
- Xuất thiết bị vào khu phi thuế quan: 0%;
- Doanh thu thiết bị và hàng hóa: 10%;
- Dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác: 10%

Theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2023 và Nghị định 94/2023/NĐ-CP Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2024. Cụ thể, một số loại hàng hóa, dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác của Công ty được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty cổ phần công nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty.

3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/04/2023 VND
Tiền mặt	215.480.619	214.200.866
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.903.453.249	6.640.866.432
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24.623.000.000	-
Cộng	<u>31.741.933.868</u>	<u>6.855.067.298</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại ngày 31/03/2024		Tại ngày 01/04/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ phần Công nghệ QI	6.631.393.955	7.802.553.631	6.631.393.955	7.590.576.931
Công ty Cổ phần Công nghệ Mideas (*)	-	-	2.400.000.000	920.951.212
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT (*)	1.960.000.000	266.671.527	1.960.000.000	266.671.527
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH (*)	1.875.000.000	1.791.829.335	1.875.000.000	1.791.829.335
Cộng	10.466.393.955	9.861.054.493	12.866.393.955	10.570.029.005

(*) Công ty ngừng áp dụng giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu vào công ty liên kết – Công ty Cổ phần Công nghệ Mideas, Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH là do Công ty chưa thu thập được thông tin tài chính và báo cáo tài chính của các công ty liên kết này cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024. Theo đó, giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 31/03/2024 của các công ty liên kết này không thay đổi so với số đầu năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/03/2024			Tại ngày 01/04/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty Cổ phần Công nghệ QI	6.631.393.955		-	6.631.393.955		-
Công ty Cổ phần Công nghệ Mideas	-		-	2.400.000.000		(2.400.000.000)
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	1.960.000.000		(1.960.000.000)	1.960.000.000		(1.960.000.000)
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	1.875.000.000		(775.000.000)	1.875.000.000		(1.775.000.000)
Cộng	10.466.393.955		(2.735.000.000)	12.866.393.955		(6.135.000.000)
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Sách và Học liệu điện tử Pharos	1.200.000.000		(1.200.000.000)	1.200.000.000		(1.200.000.000)
Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Thông Minh	-		-	-		-
Cộng	1.200.000.000		(1.200.000.000)	1.200.000.000		(1.200.000.000)

(**) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/04/2023 VND
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	9.767.869.596	52.224.714.138
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin và Hạ tầng Truyền dẫn Vinitis	4.026.533.240	46.967.991.670
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Thành phố Hà Tĩnh	38.282.499.707	38.282.499.707
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	2.860.000.000	35.596.496.800
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao	15.658.878.238	15.658.878.238
Tổng công ty truyền thông	27.878.525.600	-
Các khách hàng khác	124.494.565.571	227.934.468.034
Cộng	<u>222.968.871.952</u>	<u>416.665.048.587</u>

Tại ngày 31/03/2024, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng ngắn hạn.

4.4. Phải thu dài hạn của khách hàng

Là khoản phải thu dài hạn của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao cho gói thầu cung cấp và lắp đặt hệ thống mạng máy tính, thông tin liên lạc cho công trình (TB-06) thuộc dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao giai đoạn 1. Hiện nay, dự án đang được bắt đầu triển khai tiếp tục cho giai đoạn 2. Khoản phải thu này dự kiến sẽ được khách hàng thanh toán sau khi hoàn tất tổng thể toàn bộ dự án.

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/03/2024 VND		Tại ngày 01/04/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	6.282.114.001	-	5.661.070.183	-
Ký quỹ bảo hành công trình cho Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	51.318.673.019	-	51.318.673.019	-
Ký cược, ký quỹ	2.330.653.291	-	2.583.166.396	-
Phải thu khác	25.395.162.524	-	4.147.120.116	-
Cộng	<u>85.326.602.835</u>	<u>-</u>	<u>63.710.029.714</u>	<u>-</u>
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ khác	7.267.168.830	-	4.872.640.247	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/03/2024		Tại ngày 01/04/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	22.587.351.028	9.767.869.596	62.174.134.530	42.459.453.772

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo thời gian quá hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2024			Tại ngày 01/04/2023		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả (*)	9.767.869.596	9.767.869.596	Trên 3 năm	52.224.714.138	42.459.453.772	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	4.084.624.320	-	Trên 3 năm	4.084.624.320	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Công nghệ OTP Việt Nam	5.513.990.156	-	Trên 3 năm	5.513.990.156	-	Trên 3 năm
Khác	3.220.866.956	-	Trên 3 năm	366.911.236	-	Trên 3 năm
Cộng	22.587.351.028	9.767.869.596		62.174.134.530	42.459.453.772	

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/03/2024		Tại ngày 01/04/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	2.505.199.294	-
Hàng tại kho Công ty	17.631.015.790	(7.437.798)	15.024.218.054	(7.437.798)
Hàng tại kho triển khai	90.846.434.004	-	112.552.257.023	-
Kho theo dõi hàng cho thuê	933.717.443	-	73.858.480	-
Kho theo dõi hàng Hà Nội	22.318.668.160	-	24.289.897.580	-
Hàng hóa bất động sản	-	-	1.862.858.455	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	50.818.271.492	-	40.162.433.426	-
Cộng	<u>182.548.106.889</u>	<u>(7.437.798)</u>	<u>196.483.502.312</u>	<u>(7.437.798)</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/04/2023	34.345.180.908	120.177.575.232	2.927.734.110	157.450.490.250
Mua sắm trong kỳ	-	41.061.315.035	-	41.061.315.035
Phân loại lại từ TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(59.268.321.629)	-	(59.268.321.629)
Tại ngày 31/03/2024	34.345.180.908	101.970.568.638	2.927.734.110	139.243.483.656
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/04/2023	14.522.846.074	84.559.672.444	2.927.734.110	102.010.252.628
Khấu hao trong kỳ	1.542.983.928	16.997.544.255	-	18.540.528.183
Phân loại lại từ TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(47.240.889.982)	-	(47.240.889.982)
Tại ngày 31/03/2024	16.065.830.002	54.316.326.717	2.927.734.110	73.309.890.829
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/04/2023	19.822.334.834	35.617.902.788	-	55.440.237.622
Tại ngày 31/03/2024	18.279.350.906	47.654.241.921	-	65.933.592.827

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 18.279.350.906 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.15.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 43.257.081.407 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Máy móc, thiết bị	Tại ngày 01/04/2023 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31/03/2024 VND
Nguyên giá	27.092.114.604	28.515.189.004	(379.702.244)	55.227.601.364
Giá trị hao mòn lũy kế	(17.523.418.128)	(9.100.333.171)	379.907.688	(26.243.843.611)
Giá trị còn lại	9.568.696.476			28.983.757.753

4.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2024 VND		Tại ngày 01/04/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán:				
Avu Pty Ltd	8.311.177.132	8.311.177.132	31.916.526.673	31.916.526.673
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp và Thương mại Quốc tế Thăng Long	29.887.270.000	29.887.270.000	29.887.270.000	29.887.270.000
Cisco International Limited	10.747.965.333	10.747.965.333	15.911.293.109	15.911.293.109
Các đối tượng khác	82.112.081.715	82.112.081.715	127.478.767.378	127.478.767.378
Cộng	131.058.494.180	131.058.494.180	205.193.857.160	205.193.857.160

4.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/04/2023 VND
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	161.488.232	13.322.019.319
Ngân hàng chính sách xã hội	-	7.609.280.000
Trung tâm internet Việt Nam	4.078.960.500	2.761.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Long An	8.541.763.301	5.694.508.867
Công ty cổ phần TNTECH	2.687.176.240	-
Các khách hàng khác	13.068.388.108	28.214.091.357
Cộng	28.537.776.381	57.600.899.543

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/03/2024		Trong năm		Tại ngày 01/04/2023	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	52.999	3.787.383.178	65.469.102.337	65.688.702.717	-	4.006.930.559
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.295.215	1.522.910.098	1.523.960.654	-	3.345.771
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	204.096.376	4.266.086.793	6.278.264.401	49.504.490	2.265.778.474
Thuế thu nhập cá nhân	972.429	776.133.640	4.630.320.118	4.084.585.363	-	229.426.456
Thuế nhà đất	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	3.000.000	-	-	1.290.524.478	-	1.287.524.478
Cộng	4.025.428	4.769.908.409	75.888.419.346	78.866.037.613	49.504.490	7.793.005.738

4.13. Phải trả người lao động

Là khoản thường năm tài chính 2023 còn phải trả cho người lao động.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.14. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/04/2023 VND
Nhận ứng trước tiền mua cổ phần sẽ phát hành thêm tại Công ty mẹ	200.000.000	18.335.947.000
Cổ tức còn phải trả	2.162.996.700	2.038.942.375
Phải trả tiền mua lại cổ phần từ các cổ đông khác tại công ty con – Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu Miền Nam	-	1.048.000.000
Kinh phí công đoàn	653.453.815	1.372.357.902
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.227.123.467	1.972.914.885
Cộng	<u>17.243.573.982</u>	<u>24.768.162.162</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.15. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 31/03/2024 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/04/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	268.133.992.137	268.133.992.137	580.902.052.209	631.832.512.278	319.064.452.206	319.064.452.206
Vay dài hạn đến hạn trả	3.754.260.216	3.754.260.216	3.754.260.216	3.754.260.215	3.754.260.215	3.754.260.215
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	10.362.803.726	10.362.803.726	10.362.803.726	4.279.387.509	4.279.387.509	4.279.387.509
Cộng	282.251.056.079	282.251.056.079	595.019.116.151	639.866.160.002	327.098.099.930	327.098.099.930
Dài hạn:						
Vay ngân hàng	6.569.954.298	6.569.954.298	-	3.754.260.216	10.324.214.514	10.324.214.514
Trừ vay dài hạn đến hạn trả	(3.754.260.216)	(3.754.260.216)	(3.754.260.216)	(3.754.260.215)	(3.754.260.215)	(3.754.260.215)
Nợ thuê tài chính	22.522.686.550	22.522.686.550	25.768.138.888	10.426.483.970	7.181.031.632	7.181.031.632
Trừ nợ thuê tài chính đến hạn trả	(10.362.803.726)	(10.362.803.726)	(10.362.803.726)	(4.279.387.509)	(4.279.387.509)	(4.279.387.509)
Cộng	14.975.576.906	14.975.576.906	11.651.074.946	6.147.096.462	9.471.598.422	9.471.598.422
Tổng cộng	297.226.632.985	297.226.632.985	606.670.191.097	646.013.256.464	336.569.698.352	336.569.698.352

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.15. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn là các khoản vay bằng VND, có thời hạn 1 năm, mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu lãi suất từ 7,5%/năm đến 11,61%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Quyền sử dụng đất thuê tại lô số U14b-16a, đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại là 5.604.354.259 VND;
- Công trình xây dựng văn phòng, tài sản hình thành từ vốn vay và hệ thống máy chủ và thiết bị mạng với giá trị còn lại là 2.710.764.287 VND – Xem thêm mục 4.8;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Công ty và khách hàng;
- Hàng hóa, khoản phải thu, hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm, sổ tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ vốn vay;
- Số tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ phương án vay, các khoản phải thu hình thành từ phương án vay.

Các khoản vay ngân hàng dài hạn là các khoản vay bằng VND, có thời hạn 5 năm, mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu lãi suất 11,48%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Mặt bằng tòa nhà văn phòng Hà Nội với giá trị còn lại là 15.568.586.630 VND – Xem thêm mục 4.8;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Công ty và khách hàng.

Nợ thuê tài chính là các khoản nợ theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH MTV Quốc tế Chailease có thời hạn từ 2 đến 3 năm, chịu lãi suất 7,5%/năm đến 8,9%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	
	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/04/2021	115.000.000.000	840.139.770	11.501.419.805	2.016.250.897	129.357.810.472
Lãi trong năm trước	-	-	9.339.888.545	(2.795.853.502)	6.544.035.043
Chia cổ tức năm tài chính 2020	-	-	(11.500.000.000)	(114.000.000)	(11.614.000.000)
Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	(840.139.770)	(1.659.860.230)	-	(2.500.000.000)
Tăng, giảm do thoái vốn	-	-	(55.315.457)	155.315.457	100.000.000
Tại ngày 01/04/2022	115.000.000.000	-	7.626.132.662	(738.287.148)	121.887.845.514
Lãi trong năm nay	-	-	12.216.192.992	(1.950.197.045)	10.265.995.947
Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm tài chính 2021 (*)	6.783.800.000	-	(6.783.800.000)	-	-
Tăng, giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại các công ty con	-	-	(8.451.730.659)	3.455.730.659	(4.996.000.000)
Tại ngày 01/04/2023	121.783.800.000	-	4.606.794.995	767.246.466	127.157.841.461
Lãi trong năm nay	-	-	6.764.185.594	319.947.545	7.084.133.139
Tăng vốn	13.363.000.000	-	-	-	13.363.000.000
Tại ngày 31/03/2024	135.146.800.000	-	11.370.980.589	1.087.194.011	147.604.974.600

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/04/2023 VND
Ông Nguyễn Đức Quang	19.992.780.000	19.992.780.000
Cổ đông khác	115.154.020.000	101.791.020.000
Cộng	135.146.800.000	121.783.800.000

4.16.3. Các giao dịch về vốn của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/04/2023 VND
Vốn góp tại ngày 01/04	121.783.000.000	121.783.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	13.363.000.000	-
Vốn góp tại ngày 31/03/2024	135.146.800.000	121.783.800.000

4.16.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/03/2024	Tại ngày 01/04/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	13.514.680	12.178.380
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	13.514.680	12.178.380
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.514.680	12.178.380

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.16.5. Cổ tức

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức phải trả cho cổ phiếu phổ thông	-	6.783.800.000

4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/03/2024	Tại ngày 01/04/2023
Ngoại tệ các loại:		
USD	30.544,43	1.626,23

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu tích hợp hệ thống thiết bị, hàng hóa công nghệ thông tin	601.529.290.490	608.696.114.633
Doanh thu cung cấp dịch vụ	199.038.721.800	262.782.010.456
Cộng	<u>800.568.012.290</u>	<u>871.478.125.089</u>

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn tích hợp hệ thống thiết bị, hàng hóa công nghệ thông tin	521.829.543.332	536.161.774.778
Giá vốn cung cấp dịch vụ	124.429.493.793	182.530.940.842
Cộng	<u>646.259.037.125</u>	<u>718.692.715.620</u>

5.3. Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	35.101.001.357	30.513.801.895
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.675.601.052	3.854.427.638
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	(3.835.677.940)	1.004.379.306
Cộng	<u>32.940.924.469</u>	<u>35.372.608.839</u>

Chi phí tài chính năm nay tăng mạnh chủ yếu do chi phí lãi vay tăng.

5.4. Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lương nhân viên	43.911.207.748	28.059.750.668
Chi phí bảo hành	23.154.942	452.027.412
Chi phí pre-sales	188.432.363	824.255.519
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.818.930.221	6.241.392.442
Chi phí bằng tiền khác	6.068.912.915	3.904.037.652
Cộng	<u>57.010.638.189</u>	<u>39.481.463.693</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	27.414.264.585	46.353.909.748
Chi phí vật liệu quản lý	1.720.990.669	1.830.962.407
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.128.417.854	4.908.766.968
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.833.470.635	10.314.823.351
Chi phí bằng tiền khác	3.480.603.613	4.626.068.909
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	6.084.524.837	19.714.680.758
Cộng	56.662.272.193	87.749.212.141

5.6. Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp	10.121.283.324	8.171.493.430
Thu nhập từ thanh lý tài sản	18.919.269.313	4.166.063.629
Khác	822.577.451	4.100.435.925
Cộng	29.863.130.088	16.437.992.984

5.7. Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Phạt vi phạm hợp đồng	-	285.625.599
Chi phí thanh lý TSCĐ	20.387.033.009	-
Khác	6.924.671.137	569.529.945
Cộng	27.311.704.146	855.155.544

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được hợp nhất từ chi phí thuế TNDN của Công ty cổ phần công nghệ Sao Bắc Đầu và các công ty con với thuế suất TNDN được áp dụng tại từng công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	580.902.052.209	612.340.063.049

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(640.504.642.386)	(690.405.220.923)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo đánh giá của Tổng Giám đốc, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh trong kỳ chủ yếu là từ cung cấp thiết bị và dịch vụ điện tử, tin học, giải pháp kỹ thuật tổng thể tích hợp hệ thống công nghệ thông tin nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh cần phải thuyết minh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu tại TP. Hồ Chí Minh. Do vậy, không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

8. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH

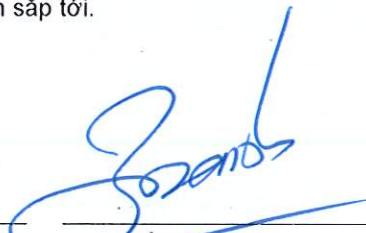
Công ty đang thuê một bộ phận riêng biệt của máy móc thiết bị với thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm theo các hợp đồng thuê tài chính với thời hạn từ 2 đến 3 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai đã được trình bày ở mục 4.15.

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/03/2024 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Nguyễn Hồng Minh
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2024


Ngô Tiên Mạnh
Kế toán trưởng


Đậu Trọng Hiệp
Người lập

Số: 02/2024/GT-BCTC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2024

"V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên
chỉ tiêu số 60 BCKQKD thay đổi so với cùng kỳ
năm trước lợi nhuận chuyển từ âm sang dương"

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (mã CK: SBD) xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại kỳ báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ âm sang dương so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Quý 4 Năm 2023	Quý 4 Năm 2022	Chênh lệch	% tăng/(giảm)
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (chỉ tiêu số 60 BCKQKD)	0,8	(8,1)	8,9	109,87%

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 4/2023 tăng 8,9 triệu đồng so với Quý 4/2022 tương đương 109,87% (Chỉ tiêu số 60 BCKQKD).

Nguyên nhân do, ngay từ đầu năm Công ty SBD đã tập trung cơ cấu lại nguồn lực và hợp nhất các công ty thành viên thành 1 đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh, không thực hiện riêng lẻ như năm 2022, điều này dẫn đến Công ty quản trị chi phí hiệu quả hơn và tiết giảm chi phí hoạt động của bộ máy, tiết kiệm được chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả lợi nhuận sau thuế hết quý 4 năm tài chính 2023 tốt hơn kết quả lợi nhuận sau thuế lũy kế hết quý 4/2022.

Từ nguyên nhân trên nên chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2023 trên BCTC hợp nhất của Công ty Mẹ và các Công ty thành viên của Sao Bắc Đầu so với BCTC hợp nhất quý 4 năm 2022 tăng 8,9 tỷ đồng tương đương tăng 109,8%.

Trên đây là nội dung giải trình khoản mục lợi nhuận sau thuế BCTC hợp nhất quý 4 năm tài chính 2023 so với quý 4/2022.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

